TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ- ST
Ngày 27/01/2026
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạn;

2. Ông Nguyễn Hữu Long;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng- Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 343/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đậu Thị Kim H, sinh năm 1992 (Có mặt);

Địa chỉ: thôn A, xã H, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1991 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đậu Thị Kim H trình bày có nội dung:

Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Khả N, sinh ngày 29/4/2018;

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, bất hòa; vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, tôn trọng nhau. Mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2024 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Đậu Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Duy T;

Về con chung: Cháu Trần Ngọc Khả N có nguyện vọng ở với ba, do đó bà Hằng đồng ý để cháu cho ba là ông Trần Duy T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện nay bà làm kế toán, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Duy trình bày có nội dung:

Ông Trần Duy T và bà Đậu Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Khả N, sinh ngày 29/4/2018;

Quá trình chung sống đến khoảng năm 2024 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, bất hòa; vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, tôn trọng nhau. Mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2025 đến nay. Nay bà Đậu Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì quan điểm của ông T vẫn mong muốn con cái có mẹ, có cha đầy đủ nên ông yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con trưởng thành. Trường hợp bà Đậu Thị Kim H cương quyết ly hôn thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện ly hôn đơn phương của bà Đậu Thị Kim H;

Về con chung: Ông Trần Duy T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc Khả N đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện nay ông làm dịch vụ cưới hỏi, thu nhập khoảng 9.000.000đ/tháng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, xét thấy bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk; Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà Đậu Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Duy T là có cơ sở chấp nhận;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đậu Thị Kim H về việc ly hôn với ông Trần Duy T;

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Khả N, sinh ngày 29/4/2018 cho ông Trần Duy T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đậu Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Duy T có nơi cư trú tại thôn B, xã H, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Duy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng; nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2024 cho đến nay;

Quá trình hòa giải tại Tòa án, bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu và kéo dài đến nay; mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân; do đó cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Đậu Thị Kim H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Con chung là Trần Ngọc Khả N, sinh ngày 29/4/2018 hiện đang ở với ba, cháu có nguyện vọng ở với ba nên cần giao cháu cho ba là ông Trần Duy T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bà Đậu Thị Kim H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Đậu Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Kim H về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Duy T;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Thị Kim H được ly hôn với ông Trần Duy T;

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Khả N, sinh ngày 29/4/2018 cho ông Trần Duy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bà Đậu Thị Kim H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Đậu Thị Kim H và ông Trần Duy T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Đậu Thị Kim H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Đậu Thị Kim H đã nộp theo biên lai thu số 0003599 ngày 29 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Đậu Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn ông Trần Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu Vực 1;
- UBND xã H, tỉnh Đắk Lắk (Giấy CNĐKKH số 163/TLKH, ngày 13/12/2016 của UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương